TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1212/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2023.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Võ Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 692/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 614/6C, đường LMN, Tổ 3, ấp ML, xã TAH, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 02, đường số 729, Tổ 4, ấp ĐL, xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày như sau:

Ông và bà H có tìm hiểu nhau vào năm 2013, cả hai có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2013. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông bị tai nạn giao thông, không còn khả năng

lao động, không có thu nhập nên kinh tế gia đình gặp khó khăn. Kể từ đó, hai vợ chồng ông đã sống ly thân, không còn chung sống cùng nhà. Bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 21/7/2014 và Nguyễn Ngọc Nhã Ngh1, sinh ngày 13/9/2016, do ông không đủ khả năng lao động, không có thu nhập nên ông giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông xin không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thúy H trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2023 như sau:

Bà và ông N có tìm hiểu nhau, sau đó cả hai có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà và ông N sống hạnh phúc. Đến năm 2017, ông N bất ngờ bị tai nạn giao thông dẫn đến sức khỏe bị suy giảm, không còn khả năng lao động, bản thân bà phải đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, con cái còn nhỏ. Từ áp lực kinh tế, hai vợ chồng bà ngày càng bất đồng quan điểm sống, hay gây gỗ từ việc nhỏ đến việc lớn. Từ năm 2020, hai vợ chồng bà đã sống ly thân, không còn chung sống cùng nhà. Bà đã trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại xã Trung Lập Thượng. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 21/7/2014 và Nguyễn Ngọc Nhã Ngh1, sinh ngày 13/9/2016, do hai con đang sinh sống cùng bà nên bà xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bà H xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 15 tháng 5 năm 2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thúy H có nơi cư trú tại Số 02, đường số 729, Tổ 4, ấp ĐL, xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông N:

Ông N và bà H tự nguyện kết hôn vào ngày 14/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Ông N trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông bị tai nạn, không còn khả năng lao động nên vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2020, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà H cũng xác định giữa bà và ông N sống chung không hạnh phúc, thường xuyên gây gỗ, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau nên bà đồng ý ly hôn với ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh nhưng bà H xin vắng mặt, bà H không yêu cầu tiến hành hòa giải. Như vậy, bà H và ông N không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Ông N và bà H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, ông N và bà H không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Ông N và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 21/7/2014 và Nguyễn Ngọc Nhã Ngh1, sinh ngày 13/9/2016, hiện con chung đang sống cùng bà H. Bà H xin quyền trực tiếp nuôi con. Ông N đồng ý để 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Qua tham khảo ý kiến của cháu Gia Nghi, cháu có nguyện vọng sống cùng bà H. Nhằm tạo điều kiện để các cháu Gia Ngh, Nhã Ngh1 được phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Gia Ngh, Nhã Ngh1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng con chung.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có

quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà H xác định không có, không có yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thúy H.

2. Về con chung:

Giao bà H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Ngh, sinh ngày 21/7/2014 và Nguyễn Ngọc Nhã Ngh1, sinh ngày 13/9/2016. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng con chung.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà H xác định không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017585 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã TLT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng